

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BỜ BIỂN VÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BỜ BIỂN VÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLD COAST HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GOLD COAST HOLDINGS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502524926

**3. Ngày thành lập:** 04/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

1170-1172 đường Phạm Hùng, Phường Long Toàn, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0912089909

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                       | 3320     |
| 2.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                 | 3700     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                     | 5510     |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quặng kim loại;<br>- Bán buôn sắt, thép;<br>- Bán buôn kim loại khác.<br>(Trừ kinh doanh vàng) | 4662     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                       | 4663     |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                             | 4690     |
| 7.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                             | 4101     |
| 8.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                       | 4102     |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                 | 4211     |
| 10. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                  | 4212     |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                      | 4221     |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                           | 4222     |
| 13. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                            | 4223     |
| 14. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                             | 4229     |
| 15. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                      | 4291     |
| 16. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                               | 4292     |
| 17. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                         | 4293     |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                        | 4390        |
| 20. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311        |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                             | 4329        |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 26. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633        |
| 27. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)                                                                                                                                                              | 2599        |
| 28. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                             | 2511        |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                  | 4610        |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                            | 4659        |
| 32. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                             | 6619        |
| 33. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản<br>(Theo Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13, sửa đổi tại điểm a Khoản 2 Điều 75 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14)                                  | 6810(Chính) |
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn bất động sản;<br>- Quản lý bất động sản;<br>- Môi giới bất động sản;<br>- Sàn giao dịch bất động sản.<br>(Theo Điều 62, Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13) | 6820        |
| 35. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Loại trừ tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                     | 7020        |
| 36. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                        | 7110        |
| 37. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                             | 7120        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                        | 7211 |
| 39. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                           | 7212 |
| 40. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                     | 7214 |
| 41. | Quảng cáo                                                                                                                           | 7310 |
| 42. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                            | 7320 |
| 43. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                      | 7410 |
| 44. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                      | 7730 |
| 45. | Đại lý du lịch                                                                                                                      | 7911 |
| 46. | Điều hành tua du lịch                                                                                                               | 7912 |
| 47. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                 | 7990 |
| 48. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                             | 8110 |
| 49. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                               | 8121 |
| 50. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                   | 8129 |
| 51. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                               | 8130 |
| 52. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                             | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ VĂN<br>CƯỜNG  | Thôn Nga Phú 1,<br>Xã Hoằng Xuân,<br>Huyện Hoằng<br>Hoá, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam                                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 800.000       | 8.000.000.000            | 40,000       | 0380920168<br>97                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Tổng số                            | 800.000       | 8.000.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LƯU XUÂN<br>THUY | Căn hộ 16A1 –<br>Tòa nhà<br>Newhouse Xa La,<br>Khu Xa La,<br>Phường Phúc La,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 400.000       | 4.000.000.000            | 20,000       | 0330790000<br>28                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                | Tổng số                            | 400.000       | 4.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |             |                                                                                  |                           |         |               |        |              |
|---|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ ĐỨC MẠNH | Số 7 Bùi Bằng Đoàn, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 800.000 | 8.000.000.000 | 40,000 | 038088014190 |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                  | Tổng số                   | 800.000 | 8.000.000.000 | 40,000 |              |
|   |             |                                                                                  |                           |         |               |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU XUÂN THỦY

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 28/03/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033079000028

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 8, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 16A1 – Tòa nhà Newhouse Xa La, Khu Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu